

Số: /ĐA-SVHTTDL

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2025

ĐỀ ÁN

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV
và tương đương lên hạng III ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch
tỉnh Bình Định năm 2025**

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.
- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Nghị định số 115/2020/NĐ-CP); Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (Thông tư số 02/2021/TT-BNV); Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (Thông tư số 06/2022/TT-BNV).
- Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Thông tư 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.
- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức (Thông tư số 001/2025/TT-BNV).
- Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp

lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành truyền thông viên văn hóa.

- Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

- Công văn số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của liên Bộ Giáo dục và đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin; Công văn số 3755/BGDĐT-GDTH ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 4060/UBND-NC ngày 16/9/2016 của UBND tỉnh về việc quy đổi giá trị tương đương của chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học.

- Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Quy định tạm thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 07/12/2024 của UBND tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Văn hóa và Thể thao thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Căn cứ Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2025; Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh biên chế công chức và số lượng người làm việc năm 2025; Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh số người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập và giao số người làm việc cho các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025.

- Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 07/6/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III của sở, ngành, địa phương năm 2025; Công văn số 01633/SNV-TCCCVC ngày 08/6/2025 Sở Nội vụ tỉnh về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III của sở, ngành, địa phương năm 2025.

- Các văn bản khác có liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng theo vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là nhiệm vụ cấp thiết, quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, nâng cao công tác quản lý viên chức và hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp, góp phần vào sự phát triển bền vững, toàn diện của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Để đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, tạo cơ sở để viên chức hiện đang xếp lương theo mã số, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định được xét thăng hạng viên chức; để viên chức đã được cử đi đào tạo nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt được đảm nhận công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo, đảm bảo quyền, lợi ích, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức chuyên ngành văn hóa, thể thao và du lịch; Đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho viên chức; động viên, khích lệ viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác; bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng **“Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III ngành văn hóa, thể thao và du lịch năm 2025”** là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với vị trí việc làm, trình độ, năng lực của viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lựa chọn, phân công những viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, có trình độ chuyên môn, năng lực phù hợp với vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp.

- Bảo đảm kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Đảm bảo đúng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp trên từng lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- Viên chức phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

III. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC VÀ NHU CẦU XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Thực trạng số lượng người làm việc, cơ cấu chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức hiện có (của 07 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở)

- Số lượng người làm việc được giao: 231 người
- Số lượng người làm việc hiện có: 202 người, trong đó:
- + Số lượng người làm việc giữ CDNN chuyên ngành văn hóa: 124;
- + Số lượng người làm việc giữ CDNN chuyên ngành thể thao: 33;
- + Số lượng người làm việc giữ CDNN khác: 45.

Bảng 1: Số lượng người làm việc, cơ cấu chức danh nghề nghiệp

TT	Ngạch, chức danh nghề nghiệp viên chức	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V
1	Kế toán	14			13	1	
2	Văn thư	2			2		
3	Viên chức hành chính	19		1	14		2
4	Lưu trữ viên	1			1		
5	Thư viện viên	13			10	3	
6	Hướng dẫn viên văn hóa	10			8	2	
7	Bảo tàng viên	3		1	2		
8	Di sản viên	22		1	17	4	
9	Tuyên truyền viên	06			01	05	
10	Phương pháp viên	01			01		
11	Họa sỹ	01			01		
12	Kỹ thuật viên						
13	Kỹ sư	04			04		
14	Đạo diễn nghệ thuật	07		01	06		
15	Diễn viên	67			09	58	
16	Nghiên cứu viên	01			01		
17	Âm thanh viên						
18	Huấn luyện viên	33		04	24	05	
19	Nhân viên kỹ thuật						
Tổng cộng		202	0	8	114	78	02

IV. NHU CẦU ĐĂNG KÝ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Có 04/07 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở đã đăng ký chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2025 với số lượng là 31 viên chức.

Bảng 2: Nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	Hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ	Hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng	Chỉ tiêu xét thăng hạng CDNN hạng III	Mã số
1	Thư viện viên	Thư viện viên hạng IV	Thư viện viên hạng III	02	V.10.02.06
2	Di sản viên	Di sản viên hạng IV	Di sản viên hạng III	02	V.10.05.17
3	Tuyên truyền viên	Tuyên truyền viên văn hóa hạng IV	Tuyên truyền viên văn hóa hạng III	03	V.10.10.35
4	Diễn viên	Diễn viên viên hạng IV	Diễn viên viên hạng III	23	V.10.04.14
5	Hướng dẫn viên văn hóa	Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	01	V.10.07.23
Tổng cộng				31	

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

V. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Đối tượng

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, bao gồm: di sản viên văn hóa, hướng dẫn viên văn hóa, diễn viên, tuyên truyền viên, thư viện viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện

Thực hiện theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, viên chức được đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị nơi viên chức đang công tác có nhu cầu, có vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương đăng ký xét thăng hạng;

b) Viên chức được đơn vị nơi viên chức đang công tác cử tham xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương;

c) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật;

không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

d) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

đ) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (*có trình độ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng*) theo quy định tại các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét. Cụ thể:

- Về văn bằng, chuyên môn, nghiệp vụ, chứng chỉ bồi dưỡng đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương phải đảm bảo phù hợp với quy định tại các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ như sau:

+ **Diễn viên hạng III - Mã số V.10.04.14** (diễn viên hạng IV dự xét lên diễn viên hạng III) quy định tại **Điều 10 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022**, như sau:

(1) *Nhiệm vụ:*

a) *Đảm nhiệm vai diễn được phân công;*

b) *Tìm hiểu nội dung kịch bản, nghiên cứu nhân vật được phân công, đảm nhiệm dưới sự chỉ dẫn của đạo diễn, biên đạo, huấn luyện múa, chỉ huy âm nhạc thể hiện ngôn ngữ nghệ thuật có sáng tạo;*

c) *Thực hiện nghiêm túc các quy trình nghiệp vụ trong luyện tập, sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn;*

d) *Tham nhập thực tế cuộc sống để nâng cao kiến thức, thể hiện chân thực vai diễn, tiết mục.*

(2). *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:*

a) *Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh theo yêu cầu vị trí việc làm. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật;*

b) *Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh diễn viên hạng III.*

(3) *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:*

a) *Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;*

b) *Có năng khiếu về lĩnh vực chuyên ngành;*

c) *Nắm được kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành, đặc trưng cơ bản của các môn nghệ thuật kết hợp, kiến thức cơ bản về các môn khoa học kỹ thuật có liên quan;*

d) *Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;*

(4) *Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III:*

Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh diễn viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

+ Di sản viên hạng III - Mã số V.10.05.17 (di sản viên hạng IV dự xét lên di sản viên hạng III) **quy định tại Điều 6 Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2021**, như sau:

(1) *Nhiệm vụ:*

a) *Xây dựng kế hoạch hàng năm về nhiệm vụ chuyên môn bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;*

b) *Xây dựng hồ sơ hiện vật, hồ sơ di tích, hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đạt các tiêu chuẩn khoa học; phân tích, xác định sơ bộ giá trị của hiện vật, di tích, di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các kết luận khoa học đã được công nhận để chuẩn bị cho việc quyết định nhập hiện vật vào kho bảo quản hoặc đăng ký hiện vật vào sổ kiểm kê bước đầu; lập danh mục và tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể;*

c) *Kiểm tra, đánh giá tình trạng hiện vật, đề xuất kế hoạch bảo quản, tu bổ, sắp xếp hiện vật trong kho bảo quản theo hệ thống đúng quy định;*

d) *Tham gia xây dựng các đề cương thiết kế trưng bày giới thiệu di sản văn hóa; phương án tu bổ, tôn tạo di tích và xây dựng mới, sửa chữa bảo tàng; đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;*

đ) *Tham gia xây dựng nội dung và thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục tại bảo tàng, di tích;*

e) *Tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.*

(2) *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:*

a) *Có bằng đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực di sản văn hóa;*

b) *Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.*

(3) *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:*

a) *Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;*

b) *Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;*

c) *Có năng lực phân tích, tổng hợp những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;*

d) *Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.*

(4) *Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III:*

Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

+ Thư viện viên hạng III - Mã số V.10.02.06 (Thư viện viên hạng IV dự xét lên Thư viện viên hạng III) quy định tại **Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022**, như sau:

(1) *Nhiệm vụ:*

a) *Xây dựng kế hoạch hàng năm về nhiệm vụ chuyên môn thư viện được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;*

b) *Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thư viện theo phân công;*

c) *Tham gia nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ trong hoạt động thư viện.*

(2) *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:*

a) *Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;*

b) *Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.*

(3) *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:*

a) *Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chiến lược phát triển về thư viện và văn hóa đọc;*

b) *Nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về thư viện;*

c) *Có năng lực phân tích, tổng hợp, những vấn đề được giao tham mưu, quản lý;*

d) *Có năng lực hướng dẫn người sử dụng thư viện sử dụng tiện ích thư viện để tiếp cận và khai thác thông tin;*

đ) *Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.*

(4) *Yêu cầu đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III:*

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh thư viện viên hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

+ **Tuyên truyền viên văn hóa hạng III - Mã số V.10.10.35** (Tuyên truyền viên hạng IV dự xét lên Tuyên truyền viên hạng III) quy định tại **Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21/02/2023**, như sau:

(1) **Nhiệm vụ:**

a) Xây dựng kế hoạch hàng năm về công tác tuyên truyền được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Trực tiếp biên soạn, thiết kế, trình bày các thể loại tin tức, tài liệu tuyên truyền; thực hiện tuyên truyền bằng tin tức, lời nói trực tiếp, thuyết minh, thuyết trình theo đề cương biên tập đã được duyệt;

c) Tham gia tổ chức, dàn dựng chương trình, tiết mục văn nghệ, tuyên truyền lưu động; trực tiếp biểu diễn các tiết mục văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị;

d) Tham gia thiết kế, dàn dựng các triển lãm, cổ động trực quan tại chỗ và lưu động; trực tiếp xây dựng đề cương tổng quát, đề cương chi tiết, biên tập, chú thích hình ảnh theo chủ đề, viết bài, thuyết minh nội dung triển lãm tại chỗ và lưu động.

(2) **Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:**

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành tuyên truyền viên văn hóa;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa.

(3) **Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:**

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động tuyên truyền;

b) Nắm được phương pháp tổ chức, hình thức hoạt động tuyên truyền;

c) Có hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội trên địa bàn được phân công quản lý;

d) Có kiến thức về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; có một trong các kỹ năng: Thuyết minh, thuyết trình, biểu diễn nhạc cụ, biểu diễn văn nghệ, hội họa, thiết kế, thi công cổ động trực quan hoặc các kỹ năng nghiệp vụ khác phù hợp với hình thức tuyên truyền;

đ) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) **Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hóa:**

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp tuyên truyền viên văn hoá trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập

sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh tuyên truyền viên văn hoá trung cấp tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

+ Hướng dẫn viên văn hóa hạng III - Mã số V.10.07.23 (Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV dự xét lên Hướng dẫn viên hạng IV) quy định tại **Điều 8 Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022**, như sau:

(1) *Nhiệm vụ:*

a) Tham gia xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung và các tài liệu hướng dẫn hoạt động phù hợp với đối tượng được giao;

b) Trực tiếp hướng dẫn quần chúng tham gia những hoạt động của thiết chế văn hóa (các lớp năng khiếu, sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm sở thích, tham quan, nghi lễ, biểu diễn văn nghệ và các hoạt động văn hóa cơ sở khác);

c) Thực hành các chương trình chuyên môn, phương pháp công tác tiên tiến cho cơ sở;

d) Tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng vào ngày lễ, hội hoặc sự kiện quan trọng; tham gia các cuộc tọa đàm, trao đổi ý kiến về chuyên môn, nghiệp vụ.

(2) *Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:*

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa.

(3) *Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:*

a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;

b) Nắm được các hình thức và phương pháp tiến hành công tác văn hóa quần chúng và câu lạc bộ; nguyên lý sư phạm và những kỹ năng, phương pháp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Có kiến thức cơ bản về công tác văn hóa cơ sở thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

d) Có năng lực phân tích, tổng hợp và soạn thảo các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ văn hóa cơ sở được phân công phụ trách;

đ) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác chuyên môn;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

(4) *Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên hạng III:*

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh hướng dẫn viên văn hóa hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ

Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT), hoặc tương đương;

đ) Có chứng chỉ tin học ở trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT), hoặc tương đương;

e) Đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

* Chứng chỉ Ngoại ngữ và Tin học được xác định tương đương như sau:

- Chứng chỉ ngoại ngữ: Quy đổi tương đương hệ thống chứng chỉ ngoại ngữ trước đây với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014:

- + Trình độ A, A1 tương đương bậc 1 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- + Trình độ B, A2 tương đương bậc 2 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- + Trình độ C, B1 tương đương bậc 3 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- + Trình độ B2 tương đương bậc 4 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- + Trình độ C1 tương đương bậc 5 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- + Trình độ C2 tương đương bậc 6 của Khung ngoại ngữ 6 bậc.

- Về tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, hoặc có chứng chỉ tin học A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, gồm:

1. Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương của đơn vị;

2. Sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời

hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức;

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm/kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp người đăng ký xét thăng hạng có văn bằng, chứng chỉ nước ngoài thì yêu cầu phải dịch thuật qua Tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ; Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các Quyết định/Thông báo tuyển dụng; Quyết định bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/xếp hạng chức danh nghề nghiệp; Quyết định nâng lương gần nhất được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào bì đựng riêng theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 11 Thông tư số 07/2019/TT-BNV.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

VII. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ TRÌNH TỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

Thực hiện theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, cụ thể:

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Mục V tại Đề án này.

- Hình thức: thẩm định hồ sơ xét theo quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP và tại Đề án này.

2. Trình tự

Thực hiện theo quy định của Luật Viên chức, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, Thông tư số 001/2025/TT-BNV và các văn bản có liên quan.

VIII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định, được Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thì Giám đốc Sở quyết định người trúng tuyển theo quy định.

IX. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thời gian tiếp nhận Hồ sơ: dự kiến thực hiện trong quý III năm 2025 (thời gian cụ thể sẽ thông báo sau).

2. Địa điểm tiếp nhận Hồ sơ

Nộp trực tiếp tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Định (Số 35-45 Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn), hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống văn phòng điện tử (idesk).

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức và phí xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương: Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định và các văn bản có liên quan.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và tương đương

Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền đăng ký xét thăng hạng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung thông tin hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của cá nhân. Trường hợp khai man, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và hủy kết quả xét thăng hạng.

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III (được gọi tắt là Hội đồng) do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên (Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường

hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và tại Điều 5 Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025.

Hội đồng được sử dụng tài khoản, con dấu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quá trình tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Giám đốc Sở thành lập Ban giám sát, gồm: Trưởng ban giám sát, Phó Trưởng ban giám sát, thành viên ban giám sát và thành viên kiêm Thư ký ban giám sát. Trường hợp Giám đốc Sở là Chủ tịch Hội đồng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định thành lập Ban giám sát.

Ban giám sát thực hiện việc giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 001/2025/TT-BNV.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở

Thông báo công khai đến viên chức, đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có) về các văn bản và đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Định năm 2025.

Cử viên chức đúng tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương theo quy định và chịu trách nhiệm về lý lịch, phẩm chất, văn bằng, chứng chỉ và các tiêu chuẩn khác của viên chức cử xét thăng hạng.

Văn bản cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương của các đơn vị phải kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét (*Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP*).

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Diệu Hạnh